

**UBND HUYỆN LỆ THỦY
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH**

Số: **382** /TCKH-NS

V/v công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách Nhà nước quý III/2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lê Thủy, ngày **12** tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Văn phòng HĐND&UBND huyện.

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị Văn phòng HĐND&UBND huyện công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III/2023 của huyện trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Đề nghị Văn phòng HĐND&UBND huyện phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHO TRƯỞNG PHÒNG**



Thăng Thị Tố Nhi

NỘI DUNG

Công khai tình hình thực toán ngân sách quý III năm 2023

(Kèm theo Công văn số 382 /TCKH-NS ngày 12/10/2023 của
Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

1. Thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện quý III/2023: 153.764 triệu đồng, đạt 37,9% so với KH tình giao. Một số khoản thu chủ yếu như sau:

- Khoản thu từ khu vực CTNNQD: 37.438 triệu đồng, đạt 79,66% so KH
- Thu cấp quyền sử dụng đất 71.168 triệu đồng đạt 25,24% KH giao

2. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách thực hiện quý III/2023: 720.591 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp huyện: 523.603 triệu đồng (không bao gồm số chi chuyển giao cho ngân sách xã); Chi ngân sách cấp xã: 196.988 triệu đồng.

3. Đánh giá về tình hình thực hiện dự toán ngân sách:

* Về thu ngân sách:

Năm 2023, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong thời gian dài, tình hình sản xuất kinh doanh đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, nền kinh tế phục hồi chậm, thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn; tiếp tục thực hiện các chính sách giảm, giãn các khoản thuế, phí theo các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ nên thu ngân sách trên địa của huyện các tháng đầu năm 2023 còn gặp nhiều khó khăn, các khoản thu được giao chưa đạt Kế hoạch theo tiến độ và đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Một số khoản thu còn đạt thấp so với dự toán giao như: Lệ phí trước bạ 45,32%, tiền sử dụng đất 25,24%, thuế thu nhập cá nhân 28,14%...

* Về chi ngân sách:

Trong 9 tháng đầu năm các chính sách đảm bảo xã hội; bảo hiểm y tế cho các đối tượng; chính sách đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa, hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp; các chế độ ngành giáo dục như tiền ăn trưa cho trẻ 3 - 5 tuổi, hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/NĐ-CP của Chính phủ, hỗ trợ cấp bù học phí, chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC... được thực hiện cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định. Bên cạnh đó, việc điều hành các nhiệm vụ chi 9 tháng đầu năm còn gặp nhiều khó khăn do số thu 9 tháng đầu chưa đạt tiến độ của dự toán giao, nhiều xã, thị trấn chưa có số thu tiền sử dụng đất nên không có nguồn để bố trí thực hiện đầu tư phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nông thôn mới ở địa phương, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công theo quy định.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Phụ lục số 01

(Kèm theo Công văn số 382 /TCKH-NS ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lê Thủy)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý III/2023	So sánh (%)
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	409.455	365.519	89,27
I	Thu cân đối ngân sách	405.740	153.764	37,9
	- Thu nội địa	405.740	153.764	37,9
	- Thu viện trợ	0	0	
II	Thu chuyên nguồn năm trước chuyển sang		211.755	
III	Thu từ ngân sách tỉnh	3.715	0	0,0
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.020.780	720.591	70,59
I	Tổng chi cân đối NS ĐP	1.020.780	720.591	70,59
1	Chi đầu tư phát triển	247.687	163.061	65,83
2	Chi thường xuyên.	752.934	557.530	74,05
3	Dự phòng	20.159		-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			

Ghi chú: + Số chi từ nguồn dự phòng ngân sách đã chuyển vào các nhiệm vụ chi theo quy định.

+ Số chi có mục tiêu từ ngân sách tỉnh đã chuyển vào các nhiệm vụ chi

Phụ lục số 02

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH HUYỆN LỆ THỦY QUÝ II NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số 382 /TCKH-NS ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch huyện giao năm 2023					Thực hiện đến 30/9/2023					So sánh TH/KH				
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				TS	Trong đó			
		NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra			NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra			NST	NSH	Chia ra	
				NS cấp Huyện	NS cấp Xã				NS cấp Huyện	NS cấp Xã				H	X
Tổng cộng	1.085.595	64.815	1.020.780	787.323	233.457	959.844	19.682	940.162	679.624	260.538	88,42	30,37	127	124	165
I. Thu ngân sách NN trên địa bàn	405.740	64.815	340.925	225.338	115.587	153.764	19.682	134.082	105.472	28.610	37,90	30,37	39,33	46,81	24,75
Số thu trong cân đối không kể CQSDĐ	123.740	1.075	122.665	106.798	15.867	82.596	7.072	75.524	58.982	16.542	66,75		61,57	55,23	104,25
1. Thuế CTN và DV NQD	47.000	-	47.000	43.124	3.876	37.438	-	37.438	31.463	5.975	79,66		79,66	72,96	154,15
+ GTGT	38.740		38.740	35.980	2.760	25.442		25.442	23.124	2.318	65,67		65,67	64,27	83,99
+ TNDN	6.000		6.000	6.000	-	4.531		4.531	4.531		75,52		75,52	75,52	
+ Tiêu thụ ĐB	60		60	44	16	32		32	22	10	53,33		53,33	50,00	62,50
+ Tài nguyên	2.200		2.200	1.100	1.100	7.433		7.433	3.786	3.647	337,86		337,86	344,18	331,55
2. Lệ phí trước bạ	37.500	-	37.500	34.147	3.353	16.995	-	16.995	15.932	1.063	45,32		45,32	46,66	31,70
-Trước bạ, ô tô xe máy	32.710		32.710	32.710		16.995		16.995	15.932	1.063	51,96		51,96	48,71	
-Trước bạ nhà đất và TS khác	4.790		4.790	1.437	3.353	-		-			-		-		-
3. Thuế SD ĐNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
4. Thuế SD đất phi Nông nghiệp	90	-	90	27	63	150	-	150	45	105	166,67		166,67		166,67
5. Thu tiền thuê đất	350	175	175	175	-	1.048,00	524	524	419	105	299,43	299,43	299,43	239,43	
6. Thu tiền sử dụng đất	282.000	63.740	218.260	118.540	99.720	71.168	12.610	58.558	46.490	12.068	25,24	19,78	26,83	39,22	12,10
Điều tiết 100% cho ngân sách các cấp						24.583		24.583	24.583						
Điều tiết theo tỷ lệ cho NS các cấp						46.585	12.610	33.975	21.907	12.068					
7. Thu cấp quyền khai thác	900	-	900	450	450	3.100,00	499	2.601	1.111	1.490	344,44		289,00	246,89	331,11
8. Thu phí và lệ phí	4.900	-	4.900	2.655	2.245	6.175,00	2.627	3.548	1.781	1.767	126,02		72,41	67,08	78,71
+ Phí tài nguyên	1.500		1.500	750	750	3.222	2.136	1.086	543	543	214,80		72,40	72,40	72,40
+ Môn bài	1.636		1.636	1.135	501	1.544	3	1.541	1.073	468	94,38		94,19	94,54	93,41
+ Các loại phí khác	1.764		1.764	770	994	1.409	488	921	165	756	79,88		52,21	21,43	76,06

Chỉ tiêu	Kế hoạch huyện giao năm 2023					Thực hiện đến 30/9/2023					So sánh TH/KH				
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				TS	Trong đó			
		NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra			NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra			NST	NSH	Chia ra	
				NS cấp Huyện	NS cấp Xã				NS cấp Huyện	NS cấp Xã				H	X
9. Thuế thu nhập cá nhân	24.000		24.000	22.620	1.380	6.753	(1.077)	7.830	6.622	1.208	28,14		32,63		87,54
10. Thu khác	9.000	900	8.100	3.600	4.500	8.642	4.499	4.143	721	3.422	96,02	499,89	51,15	20,03	76,04
- Hoa lợi công sản	2.500		2.500	-	2.500	2.384,00		2.384		2.384	95,36		95,36		95,36
- Các khoản thu khác	6.500	900	5.600	3.600	2.000	6.258	4.499	1.759	721	1.038	96,28	499,89	31,41	20,03	51,90
11. Các khoản huy động						2.295		2.295	888	1.407					
II. Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	3.715		3.715		3.715										
III. Thu chuyển nguồn	-		-	-		211.755		211.755	139.659	72.096					
V. Thu kết dư ngân sách						-		-							
VI. Thu bổ sung từ NS cấp trên	676.140	-	676.140	561.985	114.155	594.325	-	594.325	434.493	159.832	87,90		87,90	77,31	140,01
1. Bổ sung cân đối	663.299		663.299	549.144	114.155	415.778		415.778	331.650	84.128	62,68		62,68	60,39	73,70
2. Bổ sung có mục tiêu	12.841		12.841	12.841		178.547		178.547	102.843	75.704	1.390,44		1.390,44	800,90	

Phụ lục số 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số 382 /TCKH-NS ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Trong đó		Thực hiện đến 30/9/2023	Trong đó		So sánh TH/DT	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		NSH	NSX
	TỔNG CỘNG	1.020.780	787.323	233.457	720.591	523.603	196.988	70,59	67	84
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	247.687	147.967	99.720	163.061	97.374	65.687	65,83	66	66
1	Chi sự nghiệp kinh tế				118.967	76.790	42.177			
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo				20.216	12.511	7.705			
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số				-					
4	Chi sự nghiệp VH TT - TDTT				10.711		10.711			
5	Chi sự nghiệp phát thanh				-					
6	Chi đảm bảo XH				61		61			
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể				8.651	3.676	4.975			
8	Chi an ninh				614	614				
9	Chi quốc phòng				3.841	3.783	58			
10	Chi sự nghiệp môi trường				-					
11	Chi khác ngân sách				-					
II	Chi thường xuyên	752.934	623.781	129.153	557.530	426.229	131.301	74,05	68	102
1	Chi sự nghiệp kinh tế	52.224	34.716	17.508	26.792	6.067	20.725	51	17	118
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	389.412	389.412	-	286.559	267.552	19.007	74	69	
3	Chi sự nghiệp y tế	44.920	44.920	-	34.160	34.135	25	76	76	
4	Chi sự nghiệp VH TT - TDTT	7.860	6.949	911	5.431	4.349	1.082	69	63	119
5	Chi sự nghiệp phát thanh	-	-	-	-					

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Trong đó		Thực hiện đến 30/9/2023	Trong đó		So sánh TH/DT	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		NSH	NSX
6	Chi đảm bảo XH	86.472	83.096	3.376	64.052	60.549	3.503	74	73	104
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	142.989	46.629	96.360	120.043	35.901	84.142	84	77	87
8	Chi an ninh	7.455	2.202	5.253	3.606	2.973	633	48	135	12
9	Chi quốc phòng	9.005	3.788	5.217	8.922	6.989	1.933	99	185	37
10	Chi sự nghiệp môi trường	9.897	9.369	528	3.956	3.705	251	40	40	48
11	Chi khác ngân sách	2.700	2.700		4.009	4.009		148	148	
III	Các nhiệm vụ chi khác				-					
IV	Ghi thu, ghi chi NSNN	-			-					
V	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	-							
VI	Dự phòng ngân sách	20.159	15.575	4.584						